TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰ 2** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2025
V/v *"Ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Tấn Đấu**

Bà **NguyễnThị Thu Ba**

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Ông **Trần Quốc Toản** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn và nuôi con chung",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1982.
CCCD số 025182003948 cấp ngày 25/04/2021; SĐT 0824950259
*** Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1983.
CCCD số 09608300742 cấp ngày 09/8/2024; SĐT 0824881535
Đều trú tại: Tổ A, Khu phố B đặc khu P, tỉnh An Giang.

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Vòng Cẩm X trình bày:

Vào năm 2010 chị Hoàng Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn H1 tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã C, tỉnh Phú Thọ, ngày 03/01/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/2015.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/11/2010; Cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/12/2012.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẽ, hạnh phúc, đến tháng 10 năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn về tiền sinh hoạt trong gia đình, anh H1 không lo đi làm phụ giúp kinh tế để nuôi con và lo cho cuộc sống gia đình, mỗi khi vợ chồng ngồi lại nói chuyện thì anh H1 lớn tiếng chửi mắng vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, đem xe đi thế chấp để lấy tiền tiêu xài. Từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, chị không còn tình cảm với anh H1, anh H1 cũng không có trách nhiệm với chị và 02 con, hôn nhân thật sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể nào tiếp tục chung sống với nhau và không thể hàn gắn tình cảm lại được nữa, nên chị yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: Chị có nguyện vọng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/11/2010; Cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/12/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung cũng như nợ chung, chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2025 như sau: Vào năm 2010 anh và chị Hoàng Thị Thanh H tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Phú Thọ, ngày 03/01/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/2015. Nguyên nhân ly hôn của là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H1 thống nhất ly hôn với chị Hoàng Thị Thanh H.

Về con chung: Anh H1 đồng ý giao 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/11/2010; Cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/12/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh H1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung cũng như nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Con chung cháu Nguyễn Minh Đ, cháu Nguyễn Minh H2 trình bày tại bản tự khai đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành khu vực 2 phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên thẩm phán vẫn còn thiếu sót vi phạm thời hạn thụ lý vụ án và thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nhưng vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên rút kinh nghiêm chung

Đối với nguyên đơn: Từ khi tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với anh H1 là bị đơn trong vụ án, anh có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H1 là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H được ly hôn với anh H1; Căn cứ Điều 81 Luật HNGĐ đề xuất chấp nhận giao 02 con chung Nguyễn Minh Đ, cháu Nguyễn Minh H2 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu đề nghị không xem xét.

Anh H1 có quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản và công nợ chung: Chị H, anh H1 xác nhận không có không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn H1. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Ly hôn và nuôi con chung".

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có địa chỉ nơi cư trú tại địa bàn đặc khu P, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thànhkhu vực 2-An Giang

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H1 là phù hợp với quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị Thanh H và Nguyễn Văn H1 tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Phú Thọ, ngày 03/01/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/2015 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014.

Tại phiên tòa, chị H xác định khả năng đoàn tụ không còn, tình trạng hôn nhân thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh H1, anh H1 cũng đồng ý ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 51,56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận chị H được ly hôn anh H1.

[3]. Về con chung: Chị H có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/11/2010; Cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/12/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh H1 không cấp dưỡng nuôi con chung và anh H1 cũng thống nhất giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh Đ, cháu Nguyễn Minh H2 có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/11/2010; Cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/12/2012 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

Anh H1 có quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chị H, anh H1 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 về việc giải giải quyết vụ án là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

2.Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 09/11/2010; cháu Nguyễn Minh H2, sinh ngày 06/12/2012, cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

4.Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 000666 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.(nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 2- An Giang) Anh H1 không phải nộp án phí.

Án xử công khai, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể tự ngày tuyên án, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Tâm

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 2-An Giang;
- Phòng THADS KV 2-An Giang;
- UBND xã Cẩm Khê
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.